

Số: 211 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Khóa XIII Kỳ họp thứ 8 Quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh

Khóa XIII Kỳ họp thứ 8 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của HĐND tỉnh Khóa XIII Kỳ họp thứ 13 về việc bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác;

Trên cơ sở Công văn số 1486/BNN-VPĐP ngày 13/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 511/SKHĐT-KTN ngày 23/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và một số chương trình, dự án khác, với tổng kế hoạch vốn là 53,3 tỷ đồng cho UBND các huyện, thị xã, thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao bổ sung tại Điều 1 Quyết định này là căn cứ để xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm của các địa phương.

2. Căn cứ vào kế hoạch vốn đã giao tại Điều 1 Quyết định này, các địa phương được giao kế hoạch vốn chịu trách nhiệm:

a) Giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách trung ương cho các xã sử dụng vốn thực hiện Chương trình sau khi Hội đồng nhân dân huyện thông qua (*danh mục, quy mô, thời gian và địa điểm thực hiện, mức vốn bố trí cho từng công trình*); đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, các quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình nêu trên và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện bố trí đủ vốn đối ứng hàng năm từ ngân sách địa phương, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Triển khai lồng ghép các nguồn vốn và thực hiện các giải pháp huy động các nguồn lực khác tại địa phương để thực hiện Chương trình theo quy định.

c) Căn cứ khả năng cân đối vốn hàng năm, ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp; chỉ bố trí vốn cho các dự án khởi công mới sau khi đã bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp đã quá thời hạn bố trí vốn theo quy định.

d) Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị triển khai thực hiện các dự án theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo các mục tiêu của Chương trình, không để xảy ra trùng lặp, thất thoát, lãng phí, không làm mất vốn đã bố trí.

đ) Báo cáo việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 về Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan chủ Chương trình trong vòng 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định này.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn các địa phương, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến Chương trình, kịp thời báo cáo UBND tỉnh các khó khăn, vướng mắc (nếu có).

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc tình hình triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Chương trình.

5. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cấp phát kinh phí cho các đơn vị theo nội dung tại Điều 1 Quyết định này.

6. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi chịu trách nhiệm quản lý, cấp phát thanh toán vốn cho các dự án thuộc Chương trình theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách - HĐND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN⁹(tnh141).



Đặng Văn Minh

Handwritten text, possibly a signature or date, located in the upper right quadrant of the page.

Handwritten text, possibly a signature or date, located in the lower left quadrant of the page.

Phụ lục:
BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN
2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTOG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ
MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÁC

(Kèm theo Quyết định số **241**/QĐ-UBND ngày **28**/3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Địa phương	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Ngân sách trung ương (giao tại Quyết định 845/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh)	Ngân sách trung ương (bổ sung)	
	Tổng số	150.543,2	97.243,2	53.300,0	
A	Các xã thuộc Chương trình	125.543,2	97.243,2	28.300,0	
I	Bình Sơn	14.757,8	10.512,8	4.245,0	
1	Bình Hiệp	3.335,7	2.628,2	707,5	
2	Bình Tân Phú	3.335,7	2.628,2	707,5	
3	Bình Đông	3.335,7	2.628,2	707,5	
4	Bình Hải	707,5	-	707,5	
5	Bình Chánh	707,5	-	707,5	
6	Bình Phước	3.335,7	2.628,2	707,5	
II	Sơn Tịnh	16.678,5	13.141,0	3.537,5	
7	Tịnh Đông	3.335,7	2.628,2	707,5	
8	Tịnh Bình	3.335,7	2.628,2	707,5	
9	Tịnh Hiệp	3.335,7	2.628,2	707,5	
10	Tịnh Thọ	3.335,7	2.628,2	707,5	
11	Tịnh Hà	3.335,7	2.628,2	707,5	
III	Thành phố Quảng Ngãi	6.671,4	5.256,4	1.415,0	
12	Tịnh Hòa	3.335,7	2.628,2	707,5	
13	Tịnh Ấn Đông	3.335,7	2.628,2	707,5	
IV	Tur Nghĩa	26.685,5	21.025,5	5.660,0	
14	Nghĩa Thương	3.335,7	2.628,2	707,5	
15	Nghĩa Phương	3.335,7	2.628,2	707,5	
16	Nghĩa Điền	3.335,7	2.628,2	707,5	
17	Nghĩa Kỳ	3.335,7	2.628,2	707,5	
18	Nghĩa Thuận	3.335,7	2.628,2	707,5	
19	Nghĩa Thắng	3.335,7	2.628,2	707,5	

TT	Địa phương	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Ngân sách trung ương (giao tại Quyết định 845/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh)	Ngân sách trung ương (bổ sung)	
20	Nghĩa Mỹ	3.335,7	2.628,2	707,5	
21	Nghĩa Sơn	3.335,7	2.628,2	707,5	
V	Nghĩa Hành	13.342,8	10.512,8	2.830,0	
22	Hành Đức	3.335,7	2.628,2	707,5	
23	Hành Dũng	3.335,7	2.628,2	707,5	
24	Hành Tín Tây	3.335,7	2.628,2	707,5	
25	Hành Trung	3.335,7	2.628,2	707,5	
VI	Mộ Đức	20.014,2	15.769,2	4.245,0	
26	Đức Nhuận	3.335,7	2.628,2	707,5	
27	Đức Hiệp	3.335,7	2.628,2	707,5	
28	Đức Thắng	3.335,7	2.628,2	707,5	
29	Đức Chánh	3.335,7	2.628,2	707,5	
30	Đức Lân	3.335,7	2.628,2	707,5	
31	Đức Phong	3.335,7	2.628,2	707,5	
VII	Thị xã Đức Phổ	4.043,2	2.628,2	1.415,0	
32	Phổ Châu	3.335,7	2.628,2	707,5	
33	Phổ Khánh	707,5	-	707,5	
VIII	Ba Tơ	6.671,4	5.256,4	1.415,0	
34	Ba Động	3.335,7	2.628,2	707,5	
35	Ba Cung	3.335,7	2.628,2	707,5	
IX	Minh Long	6.671,4	5.256,4	1.415,0	
36	Long Sơn	3.335,7	2.628,2	707,5	
37	Thanh An	3.335,7	2.628,2	707,5	
X	Sơn Hà	6.671,4	5.256,4	1.415,0	
38	Sơn Thành	3.335,7	2.628,2	707,5	
39	Sơn Hạ	3.335,7	2.628,2	707,5	
XI	Trà Bồng	3.335,7	2.628,2	707,5	
40	Trà Phú	3.335,7	2.628,2	707,5	
B	Đối với các huyện	25.000,0	-	25.000,0	
I	Huyện Sơn Tây (huyện trắng xã nông thôn mới)	25.000,0	-	25.000,0	Phân khai chi tiết sau

/.